



Phụ lục I

**TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG DIỆN TÍCH LÀM VIỆC
CỦA CÁC CHỨC DANH THUỘC TRUNG ƯƠNG**

*(Kèm theo Nghị định số 155 /2025/NĐ-CP
ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ)*

STT	Chức danh	Diện tích tối đa (m ² /người)
1	Tổng Bí thư, Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Quốc hội.	Được bố trí theo yêu cầu công tác
2	Thường trực Ban Bí thư; Ủy viên Bộ Chính trị; Ủy viên Ban Bí thư; Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao; Phó Chủ tịch nước; Phó Thủ tướng Chính phủ; Phó Chủ tịch Quốc hội	Được bố trí theo yêu cầu công tác
3	- Ủy viên Trung ương Đảng chính thức; Trưởng ban, cơ quan Đảng ở Trung ương; Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh; Tổng Biên tập Báo Nhân Dân, Tổng Biên tập Tạp chí Cộng sản; Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội; - Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ; Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước; Tổng Kiểm toán Nhà nước; Phó Chủ tịch - Tổng Thư ký Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Trưởng tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương; Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương; - Các chức danh, chức vụ tương đương.	65
4	- Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ; - Phó Trưởng ban, cơ quan Đảng ở Trung ương; Phó Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh; Phó Tổng Biên tập Báo Nhân Dân; Phó Tổng Biên tập Tạp chí Cộng sản; Phó Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Phó Chủ tịch Hội đồng Dân tộc; Phó Chủ nhiệm các Ủy ban của Quốc hội; Phó Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội; Phó Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao; - Thứ trưởng, Phó Thủ trưởng cơ quan ngang bộ; Phó Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước; Phó Tổng Kiểm toán Nhà nước; Phó Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Phó trưởng các tổ	55

STT	Chức danh	Diện tích tối đa (m ² /người)
	chức chính trị - xã hội ở trung ương; Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương; Giám đốc Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật; Trợ lý các đồng chí lãnh đạo chủ chốt của Đảng, Nhà nước; Trợ lý Thường trực Ban Bí thư; - Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội, Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh; Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tối cao; - Các chức danh, chức vụ tương đương.	
5	- Phó Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ; Ủy viên Thường trực Tiểu ban Bảo vệ chính trị nội bộ Trung ương; Ủy viên là đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách; - Ủy viên Ban Biên tập Báo Nhân Dân; Ủy viên Ban Biên tập Tạp chí Cộng sản; Phó trưởng ban chuyên trách hoặc ủy viên chuyên trách các ban chỉ đạo ở Trung ương; ban chỉ đạo do Thủ tướng, Phó Thủ tướng làm trưởng ban chỉ đạo; Trợ lý các đồng chí lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước; - Tổng Biên tập Báo Đại biểu nhân dân; Tổng Giám đốc Công Thông tin điện tử Chính phủ; Phó Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội; Phó Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh; - Phó Giám đốc Nhà Xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật; Phó Tổng Biên tập Báo Đại biểu nhân dân; Phó Tổng Giám đốc Công Thông tin điện tử Chính phủ; Giám đốc học viện trực thuộc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh; - Vụ trưởng, cục trưởng, viện trưởng, trưởng ban và tương đương thuộc ban, cơ quan của Đảng; bộ, ngành cơ quan ngang bộ; cơ quan thuộc Chính phủ; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ở trung ương; Ủy viên Hội đồng Biên tập Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật; Thư ký các đồng chí lãnh đạo chủ chốt, lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước; - Vụ trưởng và tương đương của Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, trưởng cơ quan, đơn vị của Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh; Phó giám đốc các học viện trực thuộc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh;	40

STT	Chức danh	Diện tích tối đa (m ² /người)
	- Các chức danh, chức vụ tương đương.	
6	- Phó vụ trưởng, phó cục trưởng, phó viện trưởng, phó trưởng ban và tương đương thuộc các ban, cơ quan của Đảng; bộ, ngành, cơ quan ngang bộ; cơ quan thuộc Chính phủ; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ở Trung ương; Thư ký các đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng, bộ trưởng và tương đương, đảng ủy trực thuộc Trung ương; - Phó vụ trưởng và tương đương của Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, phó trưởng các cơ quan, đơn vị của Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh; - Các chức danh, chức vụ tương đương.	30
7	- Trưởng, Phó trưởng phòng và tương đương của các cơ quan, đơn vị thuộc các ban, cơ quan của Đảng; bộ, ngành, cơ quan ngang bộ; cơ quan thuộc Chính phủ; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ở Trung ương; - Trưởng, Phó trưởng phòng, khoa và tương đương trực thuộc các học viện trực thuộc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh; Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật; các cơ quan, đơn vị thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh; - Chuyên viên cao cấp, chuyên viên chính và các chức danh tương đương; - Các chức danh, chức vụ tương đương.	20
8	Chuyên viên và các chức danh tương đương.	15
9	Cá nhân ký hợp đồng lao động theo quy định của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập.	10

Ghi chú:

- Đối với chức danh từ STT 3 đến STT 4 thì diện tích tối đa nêu trên bao gồm diện tích làm việc, diện tích tiếp khách, ngoài ra các chức danh này được bố trí diện tích cần thiết khác (nếu có) và diện tích này không tính vào tổng diện tích của cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị định này.

- Đối với chức danh từ STT 5, STT 6 thì diện tích tối đa nêu trên bao gồm diện tích làm việc, diện tích tiếp khách.



Phụ lục II
TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG DIỆN TÍCH LÀM VIỆC
CỦA CÁC CHỨC DANH THUỘC ĐỊA PHƯƠNG

*(Kèm theo Nghị định số 155/2025/NĐ-CP
ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ)*

STT	Chức danh	Diện tích tối đa (m ² /người)
1	Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Thành ủy Hà Nội, Bí thư Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh	Được bố trí theo yêu cầu công tác
2	- Ủy viên Trung ương Đảng chính thức; - Bí thư Tỉnh ủy, Thành ủy (trừ thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh); Phó Bí thư Thành ủy Hà Nội, Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh; Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh; - Các chức danh, chức vụ tương đương.	65
3	- Phó Bí thư Tỉnh ủy, Thành ủy; Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (trừ thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh); - Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy Hà Nội, Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh; Trưởng đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; - Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh; - Các chức danh, chức vụ tương đương.	55
4	- Ủy viên Ban Thường vụ tỉnh ủy, thành ủy các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (trừ thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh); - Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Phó trưởng đoàn đại biểu Quốc hội chuyên trách các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; - Các chức danh, chức vụ tương đương.	45
5	- Trưởng ban Đảng, cơ quan trực thuộc tỉnh ủy, thành ủy; - Giám đốc sở, trưởng các cơ quan, ban, ngành và tương đương cấp tỉnh; - Các chức danh, chức vụ tương đương.	40

STT	Chức danh	Diện tích tối đa (m ² /người)
6	- Phó Trưởng ban Đảng, cơ quan trực thuộc tỉnh ủy, thành ủy; Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Thư ký bí thư tỉnh ủy, thành ủy; - Phó giám đốc sở, phó trưởng các cơ quan, ban, ngành và tương đương thuộc địa phương; Ủy viên ủy ban kiểm tra tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc trung ương; - Bí thư đảng ủy cấp xã và tương đương; - Các chức danh, chức vụ tương đương.	30
7	- Phó bí thư đảng ủy cấp xã và tương đương; Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã; - Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp xã; - Trưởng phòng, Phó trưởng phòng và tương đương các ban, cơ quan thuộc tỉnh ủy, thành ủy, văn phòng Hội đồng nhân dân, văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố; - Trưởng phòng, Phó trưởng phòng và tương đương của sở, các cơ quan, ban, ngành cấp tỉnh; - Chuyên viên cao cấp, chuyên viên chính và tương đương của sở, các cơ quan, ban, ngành cấp tỉnh, cấp xã; - Các chức danh, chức vụ tương đương.	20
8	Trưởng phòng, Phó trưởng phòng, ban, cơ quan và tương đương cấp xã.	18
9	Chuyên viên và các chức danh tương đương thuộc địa phương (bao gồm cả công chức cấp xã).	15
10	Cá nhân ký hợp đồng lao động theo quy định của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập.	10

Ghi chú:

- Đối với chức danh từ STT 2, STT 3 thì diện tích tối đa nêu trên bao gồm diện tích làm việc, diện tích tiếp khách; ngoài ra các chức danh này được bố trí diện tích cần thiết khác (nếu có) và diện tích này không tính vào tổng diện tích của cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị định này.

- Đối với chức danh từ STT 4 đến STT 6 thì diện tích tối đa nêu trên bao gồm diện tích làm việc, diện tích tiếp khách.